TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 651/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 26 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361, 370, 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 594/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Đ, sinh năm 1973;

2. Ông H, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: đường P, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy: Các đương sự thuận tình ly hôn và tự nguyện thoả thuận với nhau tại Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2019 như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cải nhau, hai bên có cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Ông H và bà Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ông H và bà Đ chung sống đến nay mâu thuẫn không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai thống nhất thỏa thuận ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Đ và ông H có hai con chung là T (nam), sinh ngày 26/6/1991 (Đã trưởng thành) và Th (nam), sinh ngày 12/10/2005; hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Th, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông H thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2003 ngày 23 tháng 5 năm 2003 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà Đ và ông H có hai con chung là T (nam), sinh ngày 26/6/1991 (Đã trưởng thành) và Th (nam), sinh ngày 12/10/2005; hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Th, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đ và ông H cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2018/0031528 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ và ông H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X
- UBND phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (Thùy)[10].

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phơ